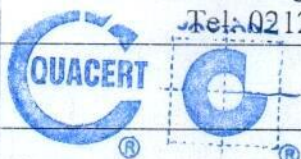


SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La



Tel: 0212.3789.927

Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.04.28.13/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước dưới đất Mỏ Bưu Điện – CNCN Mộc Châu
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.04.09/BBGM. Ngày 09 tháng 04 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod: 0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
9	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	PH (*)	-	7,1	5,8 - 8,5	TCVN 6492:2011
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	0,07	1	SMEWW 4500 NH:8 &D:2017
12	Florua (*)	mg/l	<0,05	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017

13	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	<0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
14	Tổng Coliform (*)	MPN / 100 ml	KPH	3	SMEWW 9221.B:2017
15	E. Coli (*)	MPN / 100 ml	KPH	KPH	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 28 tháng 04 năm 2025
Giám đốc

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Yuong

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Điều Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 283/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mộc Châu
Vị trí lấy mẫu : Mỏ Bưu Điện
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 65/T4/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 283/BB ngày 08 tháng 4 năm 2025
Ngày phân tích : 09/4/2025 - 10/4/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod:0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
2	Chỉ số Pemanganat	mg/L	0.42	4	TCVN 6186:1996
3	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	296	500	TCVN 6224:1996
4	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod:0.024</i>	1	TCVN 6178:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.64	15	TCVN 6180:1996
6	Clorua	mg/L	6.0	250	TCVN 6194:1996
7	Mangan	mg/L	0.053	0.5	PP/MN
8	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/L	379.8	1500	PP/TDS
9	Hàm lượng sunphat SO ₄	mg/L	10	400	PP/SP

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phụng

Sơn La, ngày 11 tháng 4 năm 2025

Phụ Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Chỉ tiêu NO₂ có Lod đã được tính theo N (Lod=0.024).
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.04.28.12/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
- 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
- 03 Loại mẫu : Nước dưới đất Giếng khoan Ủy Ban – CNCN Mộc Châu
- 04 Số lượng mẫu : 01
- 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.04.09/BBGM. Ngày 09 tháng 04 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
9	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod:0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	PH (*)	-	7,4	5,8 - 8,5	TCVN 6492:2011
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	0,05	1	SMEWW 4500 NH.:8 &D:2017
12	Florua (*)	mg/l	<0,05	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
13	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	<0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
14	Aldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
15	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆) (*)	mg/l	<0,000016	0,00002	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lê, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 282/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mộc Châu
Vị trí lấy mẫu : Giếng khoan Ủy Ban
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 64/T4/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 282/BB ngày 08 tháng 4 năm 2025
Ngày phân tích : 09/4/2025 - 10/4/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod:0.08</i>	5	TCVN 6177:1996
2	Chỉ số Pemanganat	mg/L	0.34	4	TCVN 6186:1996
3	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	296	500	TCVN 6224:1996
4	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	< 0.08 <i>Lod:0.024</i>	1	TCVN 6178:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.39	15	TCVN 6180:1996
6	Clorua	mg/L	34	250	TCVN 6194:1996
7	Mangan	mg/L	0.056	0.5	PP/MN
8	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/L	521.5	1500	PP/TDS
9	Hàm lượng sunphat SO ₄	mg/L	10	400	PP/SP

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Nguyễn Hoàng Luân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 11 tháng 4 năm 2025

Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Chỉ tiêu NO₂ có Lod đã được tính theo N (Lod=0.024).
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0312.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số : 2025.04.28.09/TN



01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước dưới đất Giếng khoan TK 4 – CNCN Bắc Yên
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.04.09/BBGM. Ngày 09 tháng 04 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
9	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod:0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	PH (*)	-	7,5	5,8 - 8,5	TCVN 6492:2011
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	0,08	1	SMEWW 4500 NH.:8 &D:2017
12	Florua (*)	mg/l	0,334	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
13	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	<0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
14	Aldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
15	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆) (*)	mg/l	<0,000016	0,00002	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 263/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Bắc Yên
 Vị trí lấy mẫu : Giếng khoan TK4 Bắc Yên
 Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 45/T4/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 263/BB ngày 08 tháng 4 năm 2025
 Ngày phân tích : 09/4/2025 - 10/4/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod:0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
2	Chỉ số Pemanganat	mg/L	1.30	4	TCVN 6186:1996
3	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	279	500	TCVN 6224:1996
4	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod:0.024</i>	1	TCVN 6178:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.55	15	TCVN 6180:1996
6	Clorua	mg/L	27.3	250	TCVN 6194:1996
7	Mangan	mg/L	0.047	0.5	PP/MN
8	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/L	356.5	1500	PP/TDS
9	Hàm lượng sunphat SO ₄	mg/L	10	400	PP/SP

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Nguyễn Hoàng Lâm

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 11 tháng 4 năm 2025

Phạm Ngọc Dũng



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Chỉ tiêu NO₂ có Lod đã được tính theo N (Lod=0.024).
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số : 2025.04.28.10/TN



- Tên đơn vị yêu cầu** : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
- 02 Địa chỉ** : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
- 03 Loại mẫu** : Nước dưới đất Mỏ Chiềng Ly – CNCN Thuận Châu
- 04 Số lượng mẫu** : 01
- 05 Biên bản giao mẫu** : Số 2025.04.09/BBGM. Ngày 09 tháng 04 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	0,01	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod: 0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
9	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	PH (*)	-	7,1	5,8 - 8,5	TCVN 6492:2011
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	0,08	1	SMEWW 4500 NH:8 &D:2017
12	Florua (*)	mg/l	<0,05	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017

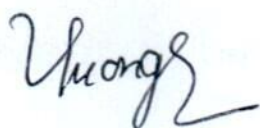
13	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	<0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
14	Tổng Coliform (*)	MPN / 100 ml	KPH	3	SMEWW 9221.B:2017
15	E. Coli (*)	MPN / 100 ml	KPH	KPH	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 28 tháng 04 năm 2025

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc







Diêu Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 233/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Thuận Châu
Vị trí lấy mẫu : Mố Chiềng Ly
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 15/T4/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 233/BB ngày 08 tháng 4 năm 2025
Ngày phân tích : 09/4/2025 - 10/4/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
2	Chỉ số Pemanganat	mg/L	KPH <i>Lod: 0.2</i>	4	TCVN 6186:1996
3	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	257	500	TCVN 6224:1996
4	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	1	TCVN 6178:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.63	15	TCVN 6180:1996
6	Clorua	mg/L	6.0	250	TCVN 6194:1996
7	Mangan	mg/L	0.043	0.5	PP/MN
8	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/L	310.8	1500	PP/TDS
9	Hàm lượng sunphat SO ₄	mg/L	KPH <i>Lod: 1.5</i>	400	PP/SP

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 11 tháng 4 năm 2025

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Chỉ tiêu NO₂ có Lod đã được tính theo N (Lod=0.024).
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số : 2025.04.28.11/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu** : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước dưới đất Mỏ Chiềng Pắc – CNCN Thuận Châu
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.04.09/BBGM. Ngày 09 tháng 04 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	0,01	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	<0,116	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod: 0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
9	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	PH (*)	-	7,7	5,8 - 8,5	TCVN 6492:2011
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	0,09	1	SMEWW 4500 NH:8 &D:2017
12	Florua (*)	mg/l	<0,05	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017

13	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	<0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
14	Tổng Coliform (*)	MPN / 100 ml	KPH	3	SMEWW 9221.B:2017
15	E. Coli (*)	MPN / 100 ml	1	KPH	TCVN 6187-1:2019

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 28 tháng 04 năm 2025
Giám đốc

Ưng

Phạm Văn Thế



Điều Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SON LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 234/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Thuận Châu
 Vị trí lấy mẫu : Mố Chiềng Pắc
 Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 16/T4/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 234/BB ngày 08 tháng 4 năm 2025
 Ngày phân tích : 09/4/2025 - 10/4/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod:0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
2	Chỉ số Pemanganat	mg/L	KPH <i>Lod:0.2</i>	4	TCVN 6186:1996
3	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	297	500	TCVN 6224:1996
4	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod:0.024</i>	1	TCVN 6178:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.60	15	TCVN 6180:1996
6	Clorua	mg/L	3.4	250	TCVN 6194:1996
7	Mangan	mg/L	0.045	0.5	PP/MN
8	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/L	399.4	1500	PP/TDS
9	Hàm lượng sunphat SO ₄	mg/L	KPH <i>Lod:1.5</i>	400	PP/SP

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phụng

Sơn La, ngày 11 tháng 4 năm 2025

Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Chỉ tiêu NO₂ có Lod đã được tính theo N (Lod=0.024).
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01/01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 2025.04.28.08 /TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước mặt Suối Nậm Lạnh – CNCN Sốp Cộp
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.04.09/BBGM. Ngày 09 tháng 04 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Chì (Pb)	mg/l	0,01	0,02	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Crom VI (Cr ⁺⁶) (*)	mg/l	<0,003	0,01	SMEWW 3500- Cr.B:2017
6	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	0,1	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	<0,116	0,5	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,1	TCCS HD – 02/01
9	Mangan (Mn)	mg/l	0,094	0,1	TCCS HD – 01/01
10	Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,02	TCCS HD – 03/01
11	Thủy Ngân(Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01

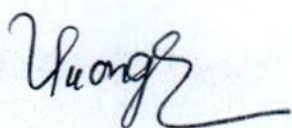
12	BOD ₅ (20 ⁰) (*)	mg/l	<1	≤ 4	TCVN 6001-1:2008
13	PH (*)	-	7,4	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
14	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	7,6	≥ 6,0	TCVN 7325:2004
15	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) (*)	mg/l	0,09	0,3	SMEWW 4500 NH:8 &D:2017
16	Florua(F ⁻) (*)	mg/l	<0,04	1,0	SMEWW 4500- F- .B&D : 2017
17	Tổng Phosphor (TP) (*)	mg/l	<0,1	≤ 0,1	SMEWW 4500- P- ..E : 2017
18	Xyanua(CN ⁻) (*)	mg/l	<0,001	0,01	SMEWW 4500- CN –C&F : 2017
19	Tổng dầu mỡ (*)	mg/l	1,35	5,0	SMEWW 5520B
20	Tổng Nitơ (TN) (*)	mg/l	0,31	≤ 0,6	SMEWW 4500-N.C:2017
21	E.Coli (*)	MPN hoặc CFU/100 ml	0	20	TCVN 6187-2:1996
22	Tổng Coliform (*)	CFU hoặc MPN/100 ml	9,8x10 ²	≤ 1000	TCVN 6187-2:1996

Sơn La, ngày 28 tháng 04 năm 2025

Thử nghiệm viên

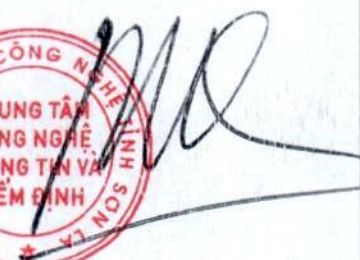
Kiểm soát

Giám đốc









Hoàng Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 256/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp
 Vị trí lấy mẫu : Suối Nậm Lạnh
 Loại mẫu : Nước mặt - Mã số 38/T4/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 256/BB ngày 08 tháng 4 năm 2025
 Ngày phân tích : 09/4/2025 – 10/4/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod:0.1</i>	0.5	TCVN 6177:1996
2	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/L	KPH <i>Lod:3.8</i>	≤ 25	TCVN 6625:2000
3	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod:0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
4	Clorua	mg/L	3.9	250	TCVN 6194:1996
5	COD	mg/L	7	10	PP/COD

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 11 tháng 4 năm 2025
P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Chỉ tiêu NO₂ có Lod đã được tính theo N (Lod=0.024).
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 2025.04.28.07 /TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước mặt Suối Bẹ – CNCN Bắc Yên
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.04.09/BBGM. Ngày 09 tháng 04 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Chì (Pb)	mg/l	0,01	0,02	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Crom VI (Cr ⁺⁶) (*)	mg/l	<0,003	0,01	SMEWW 3500 Cr.B:2017
6	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	0,1	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	<0,116	0,5	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,1	TCCS HD – 02/01
9	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
10	Thủy Ngân(Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01

11	BOD ₅ (20 ⁰) (*)	mg/l	<1	≤ 4	TCVN 6001-1:2008
12	PH (*)	-	7,4	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
13	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	7,2	≥ 6,0	TCVN 7325:2004
14	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) (*)	mg/l	0,13	0,3	SMEWW 4500 NH:8 &D:2017
15	Florua(F ⁻) (*)	mg/l	<0,04	1,0	SMEWW 4500- F- .B&D : 2017
16	Tổng Phosphor (TP) (*)	mg/l	<0,1	≤ 0,1	SMEWW 4500- P- ..E : 2017
17	Xyanua(CN ⁻) (*)	mg/l	<0,001	0,01	SMEWW 4500- CN –C&F : 2017
18	Chất hoạt động bề mặt anion (*)	mg/l	0,095	0,1	TCVN 6622-1:2009
19	Aldrin (*)	µg/l	<0,006	0,1	EPA 3510+ EPA 3630C + EPA 8081B
20	Hexachlorobenzene (C ₆ Cl ₆) (*)	µg/l	<0,015	0,04	
21	Dieldrin (*)	µg/l	<0,006	0,1	
22	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDT) (*)	µg/l	<0,016	1,0	
23	Heptachlor & Heptachloepoxide (*)	µg/l	<0,006	0,2	
24	Tổng phenol (*)	mg/l	<0,001	0,005	TCVN 6216:1996
25	Tổng dầu mỡ (*)	mg/l	1,28	5,0	SMEWW 5520B
26	Tổng Nitơ (TN) (*)	mg/l	0,32	≤ 0,6	SMEWW 4500-N.C:2017
27	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/l	0,020	0,1	TCVN 6053:2011

28	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/l	0,156	1,0	TCVN 6219:2011
29	E.Coli (*)	MPN hoặc CFU/100 ml	0	20	TCVN 6187-2:1996
30	Tổng Coliform (*)	CFU hoặc MPN/100 ml	1×10^3	≤ 1000	TCVN 6187-2:1996

Sơn La, ngày 28 tháng 04 năm 2025

Thủ nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc

Yuong

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Điền Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 03 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 262/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Bắc Yên
 Vị trí lấy mẫu : Điểm thu nước Suối Bẹ
 Loại mẫu : Nước mặt - Mã số 44/T4/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 262/BB ngày 08 tháng 4 năm 2025
 Ngày phân tích : 09/4/2025 – 10 /4/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.5	TCVN 6177:1996
2	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/L	6	≤ 25	TCVN 6625:2000
3	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
4	Clorua	mg/L	KPH <i>Lod: 2.3</i>	250	TCVN 6194:1996
5	COD	mg/L	7	10	PP/COD

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích

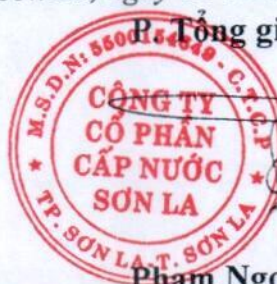
Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phụng

Sơn La, ngày 11 tháng 4 năm 2025

Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Chỉ tiêu NO₂ có Lod đã được tính theo N (Lod=0.024).
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 2025.04.28.06 /TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước mặt Sông Mã – CNCN Sông Mã
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.04.09/BBGM. Ngày 09 tháng 04 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Crom VI (Cr ⁶⁺) (*)	mg/l	<0,003	0,01	SMEWW 3500- Cr.B:2017
6	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	0,1	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	0,5	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,1	TCCS HD – 02/01
9	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
10	Thủy Ngân(Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01



11	BOD ₅ (20 ⁰) (*)	mg/l	1	≤ 4	TCVN 6001-1:2008
12	PH (*)	-	7,8	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
13	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	7,3	≥ 6,0	TCVN 7325:2004
14	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) (*)	mg/l	0,15	0,3	SMEWW 4500- NH3.B&F:2017
15	Florua(F ⁻) (*)	mg/l	<0,04	1,0	SMEWW 4500- F- .B&D : 2017
16	Tổng Phosphor (TP) (*)	mg/l	<0,1	≤ 0,1	SMEWW 4500- P- ..E : 2017
17	Xyanua(CN ⁻) (*)	mg/l	<0,001	0,01	SMEWW 4500- CN –C&F : 2017
18	Chất hoạt động bề mặt anion (*)	mg/l	0,093	0,1	TCVN 6622-1:2009
19	Aldrin (*)	µg/l	<0,006	0,1	EPA 3510+ EPA 3630C + EPA 8081B
20	Hexachlorobenzene (C ₆ Cl ₆) (*)	µg/l	<0,015	0,04	
21	Dieldrin (*)	µg/l	<0,006	0,1	
22	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDT) (*)	µg/l	<0,016	1,0	
23	Heptachlor & Heptachloepoxide (*)	µg/l	<0,006	0,2	
24	Tổng phenol (*)	mg/l	<0,001	0,005	TCVN 6216:1996
25	Tổng dầu mỡ (*)	mg/l	1,40	5,0	SMEWW 5520B:2017
26	Tổng Nitơ (TN) (*)	mg/l	0,35	≤ 0,6	SMEWW 5310C:2012
27	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/l	0,021	0,1	SMEWW 7110B: 2017

28	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/l	0,162	1,0	SMEWW 7110B: 2017
29	E.Coli (*)	MPN hoặc CFU/100 ml	0	20	TCVN 6187-1:2019
30	Tổng Coliform (*)	CFU hoặc MPN/100 ml	9×10^2	≤ 1000	SMEWW 9221B:2017

Sơn La, ngày 28 tháng 04 năm 2025

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc

Ưng

Phạm Văn Thế



Điền Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 03 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 275/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Sông Mã
Vị trí lấy mẫu : Sông Mã
Loại mẫu : Nước mặt - Mã số 57/T4/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 275/BB ngày 08 tháng 4 năm 2025
Ngày phân tích : 09/4/2025 – 10/4/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.5	TCVN 6177:1996
2	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/L	7	≤ 25	TCVN 6625:2000
3	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
4	Clorua	mg/L	3.5	250	TCVN 6194:1996
5	COD	mg/L	5	10	PP/COD

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 11 tháng 4 năm 2025
P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Chỉ tiêu NO₂ có Lod đã được tính theo N (Lod=0.024).
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 292/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Ban dự án
 Vị trí lấy mẫu : Nước thô Chiềng Dong ở vị trí độ sâu 5m
 Loại mẫu : Nước mặt - Mã số 74/T4/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 292/BB ngày 23 tháng 4 năm 2025
 Ngày phân tích : 23/4/2025 - 24/4/2025



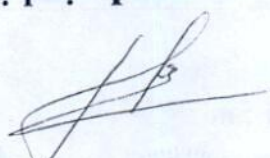
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Độ đục (*)	NTU	3.87	-	PP/NTU
2	Màu sắc (*)	TCU	33.15	-	SMEWW 2120C:2023
3	pH (*)	-	7.29	6.5 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.5	TCVN 6177:1996
5	Chỉ số Pemanganat (*)	mg/L	2.56	-	TCVN 6186:1996
6	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	97	-	TCVN 6224:1996
7	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
8	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.19	-	TCVN 6180:1996
9	Coliform tổng số (*)	CFU/ 100 ml	298	1000	TCVN 6187-1:2019

10	E.coli (*)	CFU/ 100 ml	10	20	TCVN 6187-1:2019
----	------------	----------------	----	----	------------------

Sơn La, ngày 24 tháng 4 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**



Nguyễn Hoàng Luân

Kiểm soát



Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- (*) thông số chưa được công nhận VILAT trên nền mẫu nước mặt.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Chỉ tiêu NO_2 có Lod đã được tính theo N ($Lod=0.024$).
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 293/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Ban dự án
 Vị trí lấy mẫu : Nước thô Chiềng Dong ở vị trí độ sâu 10m
 Loại mẫu : Nước mặt - Mã số 75/T4/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 293/BB ngày 23 tháng 4 năm 2025
 Ngày phân tích : 23/4/2025 - 24/4/2025



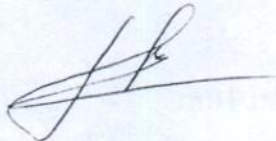
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Độ đục (*)	NTU	3.93	-	PP/NTU
2	Màu sắc (*)	TCU	51.56	-	SMEWW 2120C:2023
3	pH (*)	-	6.94	6.5 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.5	TCVN 6177:1996
5	Chỉ số Pemanganat (*)	mg/L	3.04	-	TCVN 6186:1996
6	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃) (*)	mg/L	100	-	TCVN 6224:1996
7	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
8	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.17	-	TCVN 6180:1996
9	Coliform tổng số (*)	CFU/ 100 ml	310	1000	TCVN 6187-1:2019

10	E.coli (*)	CFU/ 100 ml	4	20	TCVN 6187-1:2019
----	------------	----------------	---	----	------------------

Sơn La, ngày 24 tháng 4 năm 2025

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích



Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát



Đỗ Quang Phụng

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- (*) thông số chưa được công nhận VILAT trên nền mẫu nước mặt.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Chỉ tiêu NO_2 có Lod đã được tính theo N (Lod=0.024).
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 294/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Ban dự án
Vị trí lấy mẫu : Nước thô Chiềng Dong ở vị trí đường ống 150
Loại mẫu : Nước mặt - Mã số 76/T4/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 294/BB ngày 23 tháng 4 năm 2025
Ngày phân tích : 23/4/2025 - 24/4/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Độ đục (*)	NTU	4.14	-	PP/NTU
2	Màu sắc (*)	TCU	42.98	-	SMEWW 2120C:2023
3	pH (*)	-	7.06	6.5 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Sắt	mg/L	0.11	0.5	TCVN 6177:1996
5	Chỉ số Pemanganat (*)	mg/L	2.40	-	TCVN 6186:1996
6	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃) (*)	mg/L	100	-	TCVN 6224:1996
7	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH Lod:0.024	0.05	TCVN 6178:1996
8	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.15	-	TCVN 6180:1996
9	Coliform tổng số (*)	CFU/ 100 ml	299	1000	TCVN 6187-1:2019

10	E.coli (*)	CFU/ 100 ml	KPH Lod: 1	20	TCVN 6187-1:2019
----	------------	----------------	---------------	----	------------------

Sơn La, ngày 24 tháng 4 năm 2025

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích



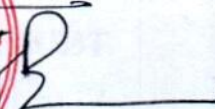
Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát



Đỗ Quang Phụng

P. Tổng giám đốc

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- (*) thông số chưa được công nhận VILAT trên nền mẫu nước mặt.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Chỉ tiêu NO_2 có Lod đã được tính theo N (Lod=0.024).
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.